

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 137/2023/DS-ST

Ngày: 13-7-2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hùng Bích và ông Trần Thanh Việt

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 275/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần A,

Địa chỉ trụ sở: Số M, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiên P; Chức vụ: Tổng Giám Đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L; Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ. Theo Giấy ủy quyền số 1285/UQ-QLN.22 ngày 05/7/2022.

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà C, số T, Phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người được ủy quyền lại: Bà Huỳnh N; Chức vụ: Nhân viên – Ngân hàng TMCP A. Theo Giấy ủy quyền số 489/UQ-QLN.23 ngày 04/4/2023. (Có mặt)

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà C, số Đ, phường X, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:*

2.1. Ông Nguyễn Minh D, sinh năm 1981, (Vắng mặt)

Cư trú: Số H, khóm A, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang.

Địa chỉ liên lạc: Số C, khóm A, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang.

2.2. Bà Diệp Thanh T, sinh năm 1986, (Vắng mặt)

Cư trú: Số C, khóm A, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 21/11/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh G (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T đã xác lập Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.548.201117 ngày 21/11/2017 và Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số ANG.CN.572.201117 ngày 21/11/2017, với nội dung như sau: Số tiền vay: 500.000.000đ; Mục đích vay: Sản xuất kinh doanh – vốn cố định – đầu tư bất động sản làm địa điểm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ - mua đất để làm địa điểm kinh doanh; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Thời hạn giải ngân: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; Thời hạn cho vay: 120 tháng; Lãi suất trong hạn: 10,50%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông D và bà T đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là bất động sản tọa lạc tại phường P, thành phố L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BT 659785, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH06395, thửa đất số 250, tờ bản đồ số 34 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp ngày 14/7/2014. Cập nhật thông tin thay đổi ngày 17/11/2017. Chủ sở hữu, sử dụng là ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.244.201117 ngày 21/11/2017. Hợp đồng đã được công chứng số 3357 ngày 21/11/2017 tại Văn phòng công chứng Cao Thị Hồng Cúc. Đăng ký thế chấp số thứ tự 6820 ngày 21/11/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh L, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông D và bà T đã trả cho Ngân hàng được số tiền là 477.699.489đ (Trong đó: vốn gốc 263.519.000đ, lãi 214.180.489đ).

Tính đến ngày 13/7/2023, ông D và bà T còn nợ các khoản sau:

- Vốn gốc là 236.481.000đ;
- Lãi trong hạn là 18.388.391đ;
- Lãi quá hạn là 17.459.547đ;
- Phạt chậm trả lãi là 1.208.539đ;

Tổng cộng là 273.537.477đ.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T phải trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/7/2023 là 273.537.477đ (trong đó vốn gốc là 236.481.000đ, lãi trong hạn là 18.388.391đ; lãi quá hạn là 17.459.547đ; phạt chậm trả lãi là 1.208.539đ) và tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh tính từ ngày 14/7/2023 đến ngày ông D, bà T thực trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo lãi suất được quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ.

Trường hợp ông D, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 250, tờ bản đồ số 34, tọa lạc tại phường P, thành phố L, tỉnh An Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Minh D, trình bày: Vào ngày 21/11/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh G (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T đã xác lập Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.548.201117 ngày 21/11/2017 và Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số ANG.CN.572.201117 ngày 21/11/2017, với nội dung như sau: Số tiền vay: 500.000.000đ; Mục đích vay: Sản xuất kinh doanh – vốn cố định – đầu tư bất động sản làm địa điểm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ - mua đất để làm địa điểm kinh doanh; Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Thời hạn giải ngân: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; Thời hạn cho vay: 120 tháng; Lãi suất trong hạn: 10,50%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ông D và bà T đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản là bất động sản tọa lạc tại phường P, thành phố L theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BT 659785, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH06395, thửa đất số 250, tờ bản đồ số 34 do Ủy ban nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang cấp ngày 14/7/2014. Cập nhật thông tin đổi ngày 17/11/2017. Chủ sở hữu, sử dụng là ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T theo Hợp đồng thế chấp số ANG.BĐCN.244.201117 ngày 21/11/2017. Hợp đồng đã được công chứng số 3357 ngày 21/11/2017 tại Văn phòng công chứng Cao Thị Hồng Cúc. Đăng ký thế chấp số thứ tự 6820 ngày 21/11/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh L, tỉnh An Giang.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông D và bà T đã trả cho Ngân hàng được số tiền là 477.699.489đ (Trong đó: vốn gốc 263.519.000đ, lãi 214.180.489đ).

Tính đến ngày 13/7/2023, ông D và bà T còn nợ các khoản sau:

- Vốn gốc là 236.481.000đ;
- Lãi trong hạn là 18.388.391đ;
- Lãi quá hạn là 17.459.547đ;
- Phạt chậm trả lãi là 1.208.539đ;

Tổng cộng là 273.537.477đ.

Nay ông D đồng ý cùng với bà Diệp Thanh T sẽ cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/7/2023 là 273.537.477đ (trong đó vốn gốc là 236.481.000đ, lãi trong hạn là 18.388.391đ; lãi quá hạn là 17.459.547đ; phạt chậm trả lãi là 1.208.539đ) và tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh tính từ ngày 14/7/2023 đến ngày ông D, bà T thực trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần A theo lãi suất được quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và đồng ý duy trì hợp đồng thế chấp số ANG.BĐCN.244.201117 ngày 21/11/2017 để đảm bảo cho việc thi hành án.

+ Bị đơn Diệp Thanh T không có văn bản trình bày ý kiến gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham dự phiên tòa do Tòa án triệu tập.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tính đến ngày 13/7/2023 ông D và bà T còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 273.537.477đ (trong đó vốn gốc là 236.481.000đ, lãi trong hạn là 18.388.391đ; lãi quá hạn là 17.459.547đ; phạt chậm trả lãi là 1.208.539đ). Ngân hàng yêu cầu ông D và bà T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền trên và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 14/7/2023 cho đến ngày ông D và bà T thực hiện trả hết nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.548.201117 ngày 21/11/2017, Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số ANG.CN.572.201117 ngày 21/11/2017 và Khế ước nhận nợ ngày 21/11/2017. Đồng thời yêu cầu tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.244.201117 ngày 21/11/2017, được ký giữa Ngân hàng Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh G với ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T để đảm bảo cho việc thi hành án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A. Buộc ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/7/2023 là 273.537.477đ (trong đó vốn gốc là 236.481.000đ, lãi trong hạn là 18.388.391đ; lãi quá hạn là 17.459.547đ; phạt chậm trả lãi là 1.208.539đ) và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký ngày 21/11/2017 cho đến khi trả dứt nợ.

Tiếp tục duy trì tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng thương mại cổ phần A (gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T trả tiền vốn vay và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.548.201117 ngày 21/11/2017, yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án. Do đó, xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố L nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt ông D và bà T.

[2.2] Ngân hàng thương mại cổ phần A do ông Từ Tiến P; Chức vụ: Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Nguyễn Đình L; Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng Quản lý nợ (Theo Giấy ủy quyền số 1285/UQ-QLN.22 ngày 05/7/2022). Ông Nguyễn Đình L ủy quyền lại cho bà Huỳnh N; Chức vụ: Nhân viên – Ngân hàng TMCP A (Theo Giấy ủy quyền số 489/UQ-QLN.23 ngày 04/4/2023). Thủ tục ủy quyền này phù hợp với quy định pháp luật nên bà N tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 85, Điều 86 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh G (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) với ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.548.201117 ngày 21/11/2017 và Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số ANG.CN.572.201117 ngày 21/11/2017, với nội dung như sau: Ngân hàng cho ông D và bà T vay số tiền 500.000.000đ; Mục đích vay: Sản xuất kinh doanh – vốn cố định – đầu tư bất động sản làm địa điểm sản xuất, kinh doanh, dịch vụ - mua đất để làm địa điểm kinh doanh;

Phương thức cho vay: Cho vay từng lần; Thời hạn giải ngân: 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng cấp tín dụng; Thời hạn cho vay: 120 tháng; Lãi suất trong hạn: 10,50%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

[3.2] Sau khi ký hợp đồng vay, ông D và bà T đã thanh toán cho Ngân hàng được số tiền là 477.699.489đ (Trong đó: vốn gốc 263.519.000đ, lãi 214.180.489đ). Ngân hàng yêu cầu ông D và bà T có trách nhiệm thanh toán vốn, lãi tạm tính đến ngày 13/7/2023 với tổng số tiền là 273.537.477đ (trong đó vốn gốc là 236.481.000đ, lãi trong hạn là 18.388.391đ; lãi quá hạn là 17.459.547đ; phạt chậm trả lãi là 1.208.539đ) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.548.201117 ngày 21/11/2017, Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số ANG.CN.572.201117 ngày 21/11/2017 và Khế ước nhận nợ ngày 21/11/2017 đã ký.

[3.3] Hội đồng xét xử xét, Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.548.201117 ngày 21/11/2017 giữa Ngân hàng và ông D, bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng này có giá trị pháp lý. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, phía ông D và bà T đã không thực hiện nghĩa vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông D và bà T có trách nhiệm thanh toán vốn, lãi tính đến ngày 13/7/2023 cho Ngân hàng là 273.537.477đ (trong đó vốn gốc là 236.481.000đ, lãi trong hạn là 18.388.391đ; lãi quá hạn là 17.459.547đ; phạt chậm trả lãi là 1.208.539đ) và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.548.201117 ngày 21/11/2017 đã ký là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, do ông D và bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật.

[3.4] Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm bởi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.244.201117 ngày 21/11/2017. Hợp đồng thế chấp này đã được Văn phòng công chứng Cao Thị Hồng Cúc chứng nhận ngày 21/11/2017 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai - chi nhánh L ngày 21/11/2017. Xét thấy, hợp đồng thế chấp trên phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.5] Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông D và bà T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/7/2023 là 273.537.477đ (trong đó vốn gốc là 236.481.000đ, lãi trong hạn là 18.388.391đ; lãi quá hạn là 17.459.547đ; phạt chậm trả lãi là 1.208.539đ). Đồng thời, ông D và bà T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.548.201117

ngày 21/11/2017 kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/7/2023) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

[3.6] Trường hợp ông D và bà T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.548.201117 ngày 21/11/2017 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.244.201117 ngày 21/11/2017 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh G với ông D và bà T để thu hồi nợ.

[3.7] Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì ông D và bà T còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

[4] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông D và bà T có trách nhiệm hoàn trả lại Ngân hàng số tiền 300.000đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5.1] Ông D và bà T phải chịu 13.676.874đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2] Ngân hàng thương mại cổ phần A được nhận lại 7.058.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001644 ngày 17/4/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 227; Điều 228 ; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần A đối với ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T.

Buộc ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A tổng số tiền tạm tính đến ngày 13/7/2023 là 273.537.477đ (trong đó vốn gốc là 236.481.000đ, lãi trong hạn là 18.388.391đ; lãi quá hạn là 17.459.547đ; phạt chậm trả lãi là 1.208.539đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/7/2023) ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.548.201117 ngày 21/11/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T không trả nợ hoặc trả không đủ số tiền còn nợ của Hợp đồng tín dụng số ANG.CN.548.201117 ngày 21/11/2017 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số ANG.BĐCN.244.201117 ngày 21/11/2017 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh G với ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T để thu hồi nợ.

Trường hợp việc xử lý tài sản thế chấp chưa thanh toán hết các khoản nợ thì ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T còn phải thanh toán tiếp cho đến khi trả hết nợ.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T có trách nhiệm trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 300.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T phải chịu 13.676.874đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần A được nhận lại 7.058.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001644 ngày 17/4/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố L.

4. Về quyền kháng cáo:

Ngân hàng thương mại cổ phần A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Minh D và bà Diệp Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Lan